

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 434/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 8 - 2020.

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn;

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mai Th, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 03, ấp VP, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phan Văn Nh, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ 03, ấp VP, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Mai Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà Th và ông Nh kết hôn năm 2000, hôn nhân do tự tìm hiểu sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân, nhưng đến năm 2007 ông bà mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thạnh Trung theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 279 ngày 19/9/2007. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Nh chỉ lo Nh nhet, đánh đập vợ, không quan tâm, chăm sóc vợ con, đời sống chung không hòa hợp nên đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình trạng đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại được nên bà Th yêu cầu ly hôn ông Phan Văn Nh.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Văn H, sinh năm 2001 đã thành niên và có khả năng lao động được và con chung Phan Thị Kim M, sinh năm 2009,

hiện đang sống với bà. Ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi con chung Phan Thị Kim M, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Phan Văn Nh đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông Nh vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

Tại phiên tòa:

Bà Lê Thị Mai Th vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Phan Văn Nh vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Th ly hôn ông Nh. Giao con chung Phan Thị Kim M cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Th không yêu cầu, con chung Phan Văn H đã thành niên và có khả năng lao động được nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Nh có địa chỉ cư trú tại ấp Vĩnh Phúc, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nh vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông Nh tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thạnh Trung theo Giấy đăng ký kết hôn số 276 ngày 19/9/2007 là phù hợp quy định của pháp luật theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014, nên hôn nhân giữa bà Th và ông Nh là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Theo bà Th trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hòa hợp nên đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Trong quá trình

giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau nhưng ông Nh vắng mặt chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Qua xác minh, địa phương xác định ông Nh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Vĩnh Phúc, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và hiện tại ông cũng đang sinh sống tại địa chỉ này. Địa phương cho biết ông Nh thường xuyên đi Nh, đánh đập bà Th, vợ chồng hay cãi nhau. Ngoài ra còn mâu thuẫn khác hay không thì địa phương không rõ. Hiện tại bà Th không còn chung sống với ông Nh tại nhà ông Nh nữa.

Xét thấy, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng giữa ông Thuận và bà Th không thực hiện được nghĩa vụ vợ chồng đối với nhau, trong thời gian chung sống ông bà đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Không còn qua lại thăm nom, chăm sóc nhau. Cho thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Th yêu cầu ly hôn ông Nh là có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

[2.5] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Văn H, sinh năm 2001 đã thành niên và có khả năng lao động được nên không xem xét và con chung Phan Thị Kim M, sinh năm 2009, hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi con chung Phan Thị Kim M, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con chung, ông Nh không có ý kiến về việc trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Từ khi ly thân đến nay con chung Kim M đang sống ổn định cùng bà Th. Đồng Thời, con chung Kim M cũng có nguyện vọng muốn được sống với mẹ, thiết nghĩ để ổn định tâm lý cũng như cuộc sống sinh hoạt, học tập của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Phan Thị Kim M cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Th không yêu cầu.

Bà Th và gia đình không được cản trở ông Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.7] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mai Th.

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Mai Th được ly hôn ông Phan Văn Nh.

Giấy chứng nhận kết hôn số 279 ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho ông Phan Văn Nh và bà Lê Thị Mai Th không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Th và ông Nh có 02 con chung tên Phan Văn H, sinh năm 2001 đã thành niên và lao động được nên không xem xét và Phan Thị Kim M, sinh năm 2009, hiện con chung Kim M đang sống với bà Th.

Giao con chung Phan Thị Kim M cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Th và gia đình không được cản trở ông Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị Mai Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0006274 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Mai Th và ông Phan Văn Nh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoàng Vũ

